|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TƯ PHÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2022/TT-BTP  *(DỰ THẢO)* | *Hà Nội, ngày tháng năm 2022* |

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng**

*Căn cứ Luật Công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;*

Căn cứ Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp,

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về tập sự hành nghề công chứng và kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng; quản lý tập sự hành nghề công chứng; xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về tập sự hành nghề công chứng và kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với người tập sự hành nghề công chứng, người tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng, công chứng viên hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng, tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự, tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên, cơ quan quản lý nhà nước về công chứng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Chương II**

**TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG**

***Điều 3. Nhận người tập sự hành nghề công chứng***

*1. Người đủ điều kiện tập sự hành nghề công chứng theo quy định của Luật Công chứng và Thông tư này tự liên hệ với một tổ chức hành nghề công chứng về việc nhận tập sự; trường hợp tổ chức hành nghề công chứng từ chối nhận tập sự thì phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do hoặc xác nhận vào Giấy đề nghị bố trí tập sự hành nghề công chứng của người liên hệ tập sự.*

*2. Trong trường hợp người đủ điều kiện tập sự không liên hệ tập sự được thì gửi Sở Tư pháp hồ sơ đề nghị bố trí tập sự (nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính tới* *Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (đối với những tỉnh, thành phố có Trung tâm phục vụ hành chính công)). Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:*

*a) Giấy đề nghị bố trí tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-01);*

*b)* Giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề công chứng hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng *hoặc Quyết định công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài* (bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu).

*Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp xem xét, chỉ định tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự và thông báo cho người đề nghị; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trong trường hợp cần thiết, Sở Tư pháp thực hiện việc xác minh để làm rõ điều kiện đăng ký tập sự hành nghề công chứng theo quy định của Điều 11 Luật Công chứng; thời hạn xác minh tối đa là 10 ngày làm việc và không tính vào thời gian xem xét, chỉ định tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự.*

*3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận tập sự theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, tổ chức hành nghề công chứng phải cử công chứng viên hướng dẫn tập sự và xác nhận vào Giấy đề nghị đăng ký tập sự hành nghề công chứng của người được nhận tập sự.*

**Điều 4. Đăng ký tập sự hành nghề công chứng**

1. Người *đã được nhận* *tập sự theo quy định tại Điều 3 của Thông tư này* nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký tập sự đến Sở Tư pháp nơi có tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự *(nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính tới* *Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (đối với những tỉnh, thành phố có Trung tâm phục vụ hành chính công))*. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Giấy đề nghị đăng ký tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-02);

b) Giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề công chứng hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng *hoặc Quyết định công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài* (bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu).

*Trường hợp người đăng ký tập sự được Sở Tư pháp bố trí tập sự thì chỉ cần nộp giấy tờ quy định tại điểm a khoản này.*

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp *ra quyết định đăng ký tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-09) và gửi quyết định* cho người đăng ký tập sự và tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.

2. Người thuộc một trong các trường hợp sau đây thì không được đăng ký tập sự:

a) Thuộc trường hợp không được bổ nhiệm công chứng viên theo quy định tại Điều 13 của Luật Công chứng;

b) Người đang là cán bộ, công chức, viên chức (trừ viên chức làm việc tại Phòng công chứng), sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sỹ quan, hạ sỹ quan, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân.

*c) Người đang làm việc theo hợp đồng lao động cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, trừ trường hợp người làm việc theo hợp đồng lao động tại tổ chức hành nghề công chứng mà người đó tập sự.*

3. *Người được Sở Tư pháp đăng ký tập sự* được gọi là người tập sựhành nghề công chứng (*sau đây gọi là người tập sự*). Người tập sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Công chứng và Thông tư này.

**Điều 5. Thời gian tập sự hành nghề công chứng**

1. Thời gian tập sự hành nghề công chứng (sau đây gọi là thời gian tập sự) quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật Công chứng được tính từ ngày *quyết định đăng ký tập sự* *hành nghề công chứng có hiệu lực.*

2. Trong trường hợp người tập sự thay đổi nơi tập sự theo quy định tại Điều *6* của Thông tư này thì thời gian tập sự được tính bằng tổng thời gian tập sự của người đó tại các tổ chức hành nghề công chứng.

Tổng thời gian tập sự được tính khi người tập sự có thời gian tập sự tại mỗi tổ chức hành nghề công chứng ít nhất là 03 tháng, *trừ trường hợp thay đổi nơi tập sự quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 6 của Thông tư này.*

**Điều 6. Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng**

1. Người tập sự được thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự phải tạm ngừng hoạt động *do dịch bệnh, thiên tai hoặc sự kiện bất khả kháng*, *bị đình chỉ hoạt động có thời hạn*, chấm dứt hoạt động hoặc chuyển đổi, giải thể theo quy định của Luật Công chứng và các văn bản hướng dẫn thi hành;

b) Tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự không còn đủ các điều kiện nhận tập sự theo quy định *tại* Điều 11 *của* Luật Công chứng;

c) Công chứng viên hướng dẫn tập sự chết, vì lý do sức khỏe hoặc lý do khách quan khác mà không thể tiếp tục hướng dẫn tập sự hoặc công chứng viên hướng dẫn tập sự không thực hiện đầy đủ trách nhiệm quy định tại Điều *13* của Thông tư này và tổ chức hành nghề công chứng không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự;

d) Người tập sự thay đổi nơi cư trú sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác;

*đ) Người tập sự là viên chức của Phòng công chứng được điều động đến Phòng công chứng khác;*

*e) Người tập sự không thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản này nhưng có nguyện vọng thay đổi nơi tập sự thì được thay đổi nơi tập sự 01 (một) lần trong cả quá trình tập sự.*

*2. Đối với các trường hợp thay đổi nơi tập sự trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, người tập sự tự liên hệ với một tổ chức hành nghề công chứng khác để tiếp tục tập sự và gửi giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự (Mẫu TP-TSCC-03) đến Sở Tư pháp nơi đăng ký tập sự. Giấy đề nghị phải nêu rõ lý do thay đổi nơi tập sự, có xác nhận của tổ chức hành nghề công chứng mà người đó đã tập sự về thời gian, số lần, lý do tạm ngừng tập sự (nếu có) và việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của người tập sự tại tổ chức mình và xác nhận của tổ chức hành nghề công chứng mà người tập sự xin chuyển đến về việc nhận tập sự và phân công công chứng viên hướng dẫn tập sự. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy đề nghị của người tập sự, Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho người tập sự, tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự và tổ chức hành nghề công chứng mà người tập sự xin chuyển đến về việc thay đổi nơi tập sự; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.*

*Trong trường hợp người tập sự không tự liên hệ được với tổ chức hành nghề công chứng khác thì đề nghị Sở Tư pháp bố trí một tổ chức hành nghề công chứng để tiếp tục tập sự. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của người tập sự, Sở Tư pháp có trách nhiệm chỉ định một tổ chức hành nghề công chứng nhận người tập sự và thông báo bằng văn bản cho người tập sự, tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.*

*Đối với trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều này, người tập sự phải tự thỏa thuận với một tổ chức hành nghề công chứng khác để tập sự và gửi Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự đến Sở Tư pháp theo quy định nêu trên.*

3. Trường hợp người tập sự thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác thì gửi giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự đến Sở Tư pháp nơi đã đăng ký tập sự. Giấy đề nghị phải nêu rõ lý do thay đổi nơi tập sự, có xác nhận của tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự về thời gian, số lần tạm ngừng tập sự (nếu có) và việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của người tập sự tại tổ chức mình.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy đề nghị của người tập sự, *Sở Tư pháp ra Quyết định xóa đăng ký tập sự đối với người tập sự (Mẫu TP-TSCC-10) và* *thông báo bằng văn bản cho tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự và người tập sự về việc* *xóa đăng ký tập sự*. Người tập sự *tự liên hệ tập sự hoặc đề nghị bố trí tập sự theo quy định tại Điều 3 và* đăng ký tập sự tại Sở Tư pháp nơi có tổ chức hành nghề công chứng mà mình chuyển đến theo quy định tại Điều 4 của Thông tư này để tiếp tục việc tập sự; hồ sơ đăng ký tập sự phải kèm theo *Quyết định xóa đăng ký tập sự đối với người tập sự* *tại Sở Tư pháp nơi người tập sự đã đăng ký tập sự trước đó theo quy định tại khoản này.*

**Điều 7. Tạm ngừng tập sự hành nghề công chứng**

1. *Các trường hợp tạm ngừng tập sự hành nghề công chứng:*

*a) Người tập sự nghỉ chế độ* thai sản hoặc vì lý do sức khỏe *hoặc* có lý do chính đáng khác;

*b) Người tập sự bị truy cứu trách nhiệm hình sự;*

*c) Công chứng viên hướng dẫn tập sự phải tạm ngừng hướng dẫn tập sự mà người tập sự không đề nghị thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự hoặc thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng;*

*d) Tổ chức hành nghề công chứng nơi nhận tập sự phải tạm ngừng hoạt động mà người tập sự không đề nghị thay đổi nơi tập sự.*

2. *Người tạm ngừng tập sự trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này* phải thông báo bằng văn bản với tổ chức hành nghề công chứng nơi mình đang tập sự chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng tập sự, *kèm theo giấy tờ chứng minh lý do cần tạm ngừng tập sự*.

*Tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự phải báo cáo Sở Tư pháp bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày người tập sự tạm ngừng tập sự trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó nêu rõ lý do và thời gian tạm ngừng tập sự.*

*3.* Người có thời gian tập sự hành nghề công chứng là 12 tháng thì được tạm ngừng tập sự tối đa là 02 lần, mỗi lần không quá 06 tháng; người có thời gian tập sự hành nghề công chứng là 06 tháng thì được tạm ngừng tập sự *02* lần *mỗi lần* không quá *03* tháng.

*4*. Thời gian tạm ngừng tập sự không được tính vào thời gian tập sự hành nghề công chứng.

Thời gian tập sự trước khi tạm ngừng tập sự được tính vào tổng thời gian tập sự hành nghề công chứng, trừ trường hợp phải đăng ký tập sự lại theo quy định tại khoản 3 Điều *8* của Thông tư này.

**Điều 8. Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng**

1. *Việc tập sự chấm dứt khi* người tập sự thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tự chấm dứt tập sự;

b) Được tuyển dụng là cán bộ, công chức, viên chức (trừ viên chức làm việc tại Phòng công chứng), sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sỹ quan, hạ sỹ quan, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân;

*c) Ký hợp đồng lao động cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, trừ trường hợp ký hợp đồng lao động với tổ chức hành nghề công chứng nơi tập sự.*

*d*) Không còn thường trú tại Việt Nam;

*đ) Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;*

*e*) Bị kết án và bản án đã có hiệu lực pháp luật;

*g*) Bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

*h*) *Đã được đăng ký tập sự hành nghề công chứng nhưng không thực hiện việc tập sự;*

*i) Không thuộc trường hợp tạm ngừng tập sự mà vẫn tạm ngừng tập sự;* tạm ngừng tập sự quá số lần quy định hoặc đã hết thời hạn tạm ngừng tập sự theo quy định tại khoản *3* Điều *7* của Thông tư này mà không tiếp tục tập sự;

*k*) *Bị Sở Tư pháp xóa đăng ký tập sự theo quy định tại khoản 1 Điều 31 của Thông tư này;*

*l*) Thuộc trường hợp không được đăng ký tập sự hành nghề công chứng tại thời điểm đăng ký tập sự.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày người tập sự chấm dứt tập sự trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, và *h* khoản 1 Điều này, tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự phải báo cáo Sở Tư pháp bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do người tập sự chấm dứt tập sự. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức hành nghề công chứng *hoặc kể từ ngày có đủ căn cứ xác định người tập sự thuộc các trường hợp tại điểm đ, e, g, i, k, l khoản 1 Điều này*, Sở Tư pháp ra quyết định chấm dứt tập sự *(Mẫu TP-TSCC-10),* gửi quyết định cho người tập sự, tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự*.*

3. Người đã chấm dứt tập sự hành nghề công chứng được xem xét đăng ký tập sự lại khi đủ điều kiện đăng ký tập sự theo quy định tại Thông tư này và thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Lý do chấm dứt tập sự quy định tại các điểm a, b, c, *d, đ, và h* khoản 1 Điều này không còn;

b) Đã chấp hành xong bản án, trừ trường hợp bị kết án về tội phạm do cố ý;

c) Đã chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

d) Sau thời hạn 02 năm, kể từ ngày quyết định của Sở Tư pháp về việc *chấm dứt tập sự trong các trường hợp quy định tại điểm k, l khoản 1 Điều này có hiệu lực;*

*đ) Người không đạt yêu cầu trong ba kỳ kiểm tra kết quả tập sự trước đó.*

*Việc liên hệ tập sự,* hồ sơ và thủ tục đăng ký tập sự lại được thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4 của Thông tư này.

4. Thời gian tập sự trước khi chấm dứt tập sự quy định tại khoản 1 Điều này không được tính vào thời gian tập sự hành nghề công chứng.

**Điều 9. Nội dung tập sự hành nghề công chứng**

1. Nội dung tập sự hành nghề công chứng bao gồm *việc áp dụng các kiến thức pháp luật,* kỹ năng hành nghề công chứng *đã được đào tạo, bồi dưỡng vào thực tiễn, bao gồm*:

a) Kỹ năng tiếp nhận, phân loại yêu cầu công chứng; kỹ năng kiểm tra tính xác thực, tính hợp pháp của các giấy tờ có trong hồ sơ yêu cầu công chứng; kỹ năng xem xét, nhận dạng chủ thể, năng lực hành vi dân sự của người tham gia ký kết hợp đồng, giao dịch;

b) Kỹ năng ứng xử với người yêu cầu công chứng, ứng xử theo Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng; kỹ năng giải thích cho người yêu cầu công chứng *về* quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của *người yêu cầu công chứng*, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc công chứng; kỹ năng giải thích lý do khi từ chối yêu cầu công chứng;

c) Kỹ năng nghiên cứu và đề xuất hướng giải quyết hồ sơ yêu cầu công chứng;

d) Kỹ năng soạn thảo hợp đồng, giao dịch theo yêu cầu của người yêu cầu công chứng; kỹ năng kiểm tra tính xác thực, tính hợp pháp của dự thảo hợp đồng, giao dịch do người yêu cầu công chứng soạn thảo sẵn; kỹ năng xác minh;

đ) Kỹ năng công chứng bản dịch; kỹ năng chứng thực bản sao, chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản;

e) Kỹ năng soạn thảo lời chứng;

g) Kiểm tra, sắp xếp, phân loại hồ sơ đã được công chứng, chứng thực để đưa vào lưu trữ;

h) *Kỹ năng khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu công chứng và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công chứng;*

*i) Kỹ năng quản trị tổ chức hành nghề công chứng;*

*k)* Các kỹ năng và công việc liên quan đến công chứng khác theo sự phân công của công chứng viên hướng dẫn tập sự.

2. Công chứng viên hướng dẫn tập sự hướng dẫn người tập sự thực hiện các nội dung *tập sự* quy định tại khoản 1 Điều này; đối với người có thời gian tập sự là 06 tháng thì công chứng viên hướng dẫn tập sự thống nhất với tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự về thời lượng và nội dung tập sự phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 10. *Sổ* *nhật ký tập sự,* Báo cáo *quá trình* tập sự hành nghề công chứng**

1. *Người tập sự lập Sổ nhật ký tập sự hành nghề công chứng để ghi chép các công việc hàng ngày thuộc nội dung tập sự mà mình đã thực hiện trong thời gian tập sự (Mẫu TP-TSCC-04). Sổ nhật ký tập sự có xác nhận hàng tuần của công chứng viên hướng dẫn và có xác nhận của tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự khi kết thúc quá trình tập sự; trường hợp người tập sự thay đổi nơi tập sự thì có xác nhận của tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự khi kết thúc thời gian tập sự tại tổ chức đó.*

2. *Người tập sự phải làm Báo cáo quá trình tập sự khi kết thúc quá trình tập sự. Báo cáo quá trình tập sự phải có đủ các nội dung và đáp ứng các yêu cầu quy định theo Mẫu TP-TSCC-05, có nhận xét của công chứng viên hướng dẫn tập sự và xác nhận của tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự khi kết thúc quá trình tập sự.*

**Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của người tập sự**

1. Người tập sự có các quyền sau đây:

a) Được tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự tạo điều kiện thực hiện nội dung tập sự theo quy định tại Điều *9* của Thông tư này; *được thỏa thuận về việc ký kết hợp đồng lao động với tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự;*

b) Được công chứng viên hướng dẫn tập sự hướng dẫn các nội dung tập sự, việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người tập sự;

c) *Được đề nghị thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự trong các trường hợp quy định tại Điều 14 của Thông tư này;*

d) *Được* *công nhận hoàn thành thời gian tập sự nếu đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 16 của Thông tư này;*

*đ)* Đượcđăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng theo quy định tại Điều *18* của Thông tư này;

*e)* Các quyền khác theo thoả thuận với tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự hoặc theo quy định của pháp luật.

2. Người tập sự có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ các quy định của Luật Công chứng, *Thông tư này* và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

b) Tuân theo nội quy, quy chế của tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự;

c) *Tôn trọng công chứng viên hướng dẫn tập sự;* thực hiện các công việc thuộc nội dung tập sự quy định tại Điều *9* của Thông tư này theo sự phân công của công chứng viên hướng dẫn tập sự;

*d) Bảo đảm thời gian tập sự hàng ngày theo ngày, giờ làm việc của của tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự;*

*đ)* Chịu trách nhiệm trước công chứng viên hướng dẫn tập sự và tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự về kết quả và tiến độ của các công việc được phân công;

*e)* Giữ bí mật thông tin về nội dung công chứng và các thông tin có liên quan mà mình biết được trong quá trình tập sự;

*g)* Các nghĩa vụ khác theo *quy định của Thông tư này hoặc theo* thoả thuận với tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự hoặc theo quy định của pháp luật.

**Điều 12. Trách nhiệm của công chứng viên hướng dẫn tập sự**

1. Hướng dẫn người tập sự các nội dung tập sự theo quy định tại Điều *9* của Thông tư này.

2. Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các công việc của người tập sự do mình phân công; chịu trách nhiệm về kết quả và tiến độ của các công việc mà người tập sự thực hiện theo sự phân công, hướng dẫn của mình.

3. *Xác nhận vào Sổ nhật ký tập sự,* nhận xét đối với *Báo cáo* quá trình tập sự hành nghề công chứng của người tập sự *và chịu trách nhiệm về việc xác nhận, nhận xét của mình.*

4. *Các trách nhiệm khác theo quy định của Luật Công chứng và Thông tư này.*

**Điều 13. Từ chối hướng dẫn tập sự**

1.Công chứng viên *được phân công hướng dẫn tập sự* phải từ chối trong trường hợp không đủ điều kiện hướng dẫn tập sự theo quy định tại khoản 3 Điều 11 của Luật Công chứng hoặc có lý do chính đáng khác.

*2*. Công chứng viên từ chối hướng dẫn tập sự theo quy định tại khoản 1 Điều này phải thông báo ngay bằng văn bản cho tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự, *trong đó có nêu rõ lý do từ chối*. Tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự *xem xét, nếu thấy rằng lý do từ chối của công chứng viên là đúng quy định thì* phân công một công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự. Trong trường hợp tổ chức hành nghề công chứng không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự thì phải thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp *trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của công chứng viên từ chối hướng dẫn tập sự*. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của tổ chức hành nghề công chứng, Sở Tư pháp có trách nhiệm chỉ định một tổ chức hành nghề công chứng khác nhận tập sự; trường hợp không có tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự thì thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do cho người *đăng ký* tập sự.

**Điều 14. Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự**

1. *Việc thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự được thực hiện khi công chứng viên thuộc một trong các trường hợp sau đây:*

*a) Đang hướng dẫn tập sự mà không còn đủ điều kiện hướng dẫn tập sự theo quy định của khoản 3 Điều 11 Luật Công chứng;*

b) Không thực hiện đầy đủ trách nhiệm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều *12* của Thông tư này;

*c)* Chết, *mất năng lực hành vi dân sự, hạn chế năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức hoặc làm chủ hành vi* hoặc vì lý do khách quan khác mà không thể tiếp tục hướng dẫn tập sự;

*d) Bị tạm đình chỉ hành nghề công chứng, bị miễn nhiệm công chứng viên hoặc không còn hành nghề tại tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự, bị tước Thẻ công chứng viên có thời hạn.*

2. *Khi công chứng viên hướng dẫn tập sự* *thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin về công chứng viên hướng dẫn tập sự,* tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự phân công một công chứng viên đủ điều kiện khác tiếp tục hướng dẫn người tập sự và thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp.

Trong trường hợp tổ chức hành nghề công chứng không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự thì phải thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của tổ chức hành nghề công chứng, Sở Tư pháp có trách nhiệm chỉ định một tổ chức hành nghề công chứng khác nhận người tập sự *để người tập sự tiếp tục việc tập sự tại tổ chức hành nghề công chứng mới*; *trường hợp không có tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự thì thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do cho người tập sự.*

**Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự**

1. Phân công công chứng viên đủ điều kiện hướng dẫn tập sự và chịu trách nhiệm về việc phân công đó; *thường xuyên theo dõi để xử lý kịp thời trong trường hợp công chứng viên không còn đủ điều kiện hướng dẫn tập sự hoặc người tập sự không còn đủ điều kiện tập sự*.

*2. Được thỏa thuận về việc ký kết hợp đồng lao động với người tập sự; tạo điều kiện thuận lợi cho người tập sự và công chứng viên hướng dẫn tập sự tại tổ chức mình.*

*3. Lập, quản lý, sử dụng Sổ theo dõi quá trình tập sự của tổ chức mình (Mẫu TP-TSCC-08).*

4. Xem xét, quyết định việc công chứng viên từ chối hướng dẫn tập sự, việc thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự.

5. Quản lý người tập sự trong quá trình tập sự tại tổ chức mình; theo dõi, giám sát việc thực hiện trách nhiệm của công chứng viên hướng dẫn tập sự; bảo đảm việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người tập sự; hòa giải tranh chấp giữa công chứng viên hướng dẫn tập sự và người tập sự.

6. Báo cáo bằng văn bản cho Sở Tư pháp về việc nhận và hướng dẫn tập sự tại tổ chức mình theo định kỳ hàng năm. *Kỳ báo cáo hàng năm được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm. Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi kết thúc năm, các tổ chức hành nghề công chứng phải gửi báo cáo bằng văn bản về Sở Tư pháp.*

Báo cáo gồm các nội dung chính sau đây:

a) Số lượng người tập sự, *việc tạm ngừng tập sự, thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự*;

b) Đánh giá chất lượng tập sự của người tập sự;

c) Việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của tổ chức hành nghề công chứng, người tập sự và trách nhiệm của công chứng viên hướng dẫn tập sự theo quy định của Thông tư này;

d) Khó khăn, vướng mắc trong quá trình nhận tập sự (nếu có) và đề xuất, kiến nghị.

7. Các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận với người tập sự, *theo quy định của Thông tư này* hoặc quy định pháp luật *khác có liên quan*.

***Điều 16. Hoàn thành tập sự hành nghề công chứng***

*1.* Trong thời hạn 15 ngày *làm việc*, kể từ ngày kết thúc thời gian tập sự, người tập sự phải nộp 01 Báo cáo *quá trình* tập sự, 01 *Sổ nhật ký tập sự* cho Sở Tư pháp nơi đăng ký tập sự *để được công nhận nhận hoàn thành tập sự. Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Sổ nhật ký tập sự, Báo cáo quá trình tập sự, Sở Tư pháp ra quyết định công nhận hoàn thành tập sự; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.*

*2. Điều kiện để được công nhận hoàn thành thời gian tập sự hành nghề công chứng:*

*a) Có đủ điều kiện tập sự hành nghề công chứng theo quy định của Điều 11 Luật Công chứng và không thuộc trường hợp không được đăng ký tập sự theo quy định của Thông tư này;*

*b) Hoàn thành thời gian tập sự hành nghề công chứng và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người tập sự theo quy định của Thông tư này;*

*c) Báo cáo quá trình tập sự, Sổ nhật ký tập sự được nộp đúng thời hạn, đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 10 của Thông tư này và các Mẫu kèm theo.*

*3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Báo cáo quá trình tập sự và Sổ nhật ký tập sự, Sở Tư pháp ra quyết định công nhận hoàn thành tập sự; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.*

*4. Người đã được công nhận hoàn thành tập sự mà bị phát hiện không đáp ứng các điều kiện để được công nhận hoàn thành tập sự thì bị hủy kết quả tập sự đã được công nhận. Sở Tư pháp nơi đã công nhận kết quả tập sự ra quyết định hủy kết quả tập sự đã được công nhận trước đó.*

**Chương III**

**KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ** **CÔNG CHỨNG**

**Điều 17. Nội dung và hình thức kiểm tra**

1. Nội dung kiểm tra *bao gồm kiểm tra về kết quả thực hiện những nội dung tập sự theo quy định tại Điều 9 của Thông tư này.*

2. Hình thức kiểm tra bao gồm:*Kiểm tra trắc nghiệm và kiểm tra viết*

*a) Bài kiểm tra trắc nghiệm: Tối đa không quá 90 câu hỏi trong thời gian kiểm tra trắc nghiệm không quá 90 phút. Thí sinh chọn đáp án đúng cho các câu hỏi được đưa ra. Nội dung kiểm tra bao gồm kỹ năng khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu công chứng và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công chứng; khả năng áp dụng kiến thức, kỹ năng hành nghề công chứng đối với từng loại việc công chứng, chứng thực. Thí sinh đạt yêu cầu trong bài kiểm tra trắc nghiệm thì được tham gia làm bài kiểm tra viết.*

*b) Bài kiểm tra viết: Nội dung kiểm tra bao gồm khả năng áp dụng những kiến thức, kỹ năng đã tập sự vào giải quyết một số tình huống công chứng cụ thể; thực hiện soạn thảo hợp đồng, giao dịch, lời chứng. Thời gian kiểm tra viết là 180 phút.*

**Điều 18. Đăng ký tham dự kiểm tra**

1. Người được đăng ký tham dự kiểm tra *bao gồm*:

a) Người đã *được công nhận hoàn thành tập sự theo quy định của Thông tư này;*

b) Người không đạt yêu cầu trong kỳ kiểm tra trước, *trừ trường hợp* không đạt yêu cầu trong ba kỳ kiểm tra kết quả tập sự trước đó *mà chưa tập sự lại;*

*c) Người có Giấy chứng nhận đạt kết quả kiểm tra tập sự hết hiệu lực*.

*2. Những người sau đây không được đăng ký tham dự kiểm tra:*

*a) Người không đủ điều kiện tập sự mà vẫn tập sự hoặc không đủ điều kiện tập sự lại mà vẫn tập sự lại;*

*b) Người có hành vi gian dối trong hồ sơ đăng ký tham dự kiểm tra.*

3. *Người đăng ký tham dự kiểm tra nộp hồ sơ về Sở Tư pháp nơi đăng ký tập sự sau khi Bộ Tư pháp có kế hoạch về việc tổ chức kỳ kiểm tra và Sở Tư pháp thông báo việc nhận hồ sơ đăng ký tham dự kiểm tra. Hồ sơ* *đăng ký tham dự kiểm tra gồm 01 bộ (nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính tới* *Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với những tỉnh, thành phố có Trung tâm phục vụ hành chính công)*. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Giấy đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-*06*);

b) *Bản sao* *Quyết định công nhận hoàn thành tập sự;*

*c) Bản chính* Báo cáo *quá trình* tập sự hành nghề công chứng;

*d) Bản sao giấy tờ chứng minh đã nộp phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng.*

*Đối với trường hợp người có Giấy chứng nhận đạt kết quả kiểm tra tập sự hành nghề công chứng hết hiệu lực thì hồ sơ bao gồm các giấy tờ quy định tại điểm a và d khoản này.*

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp *thông báo bằng văn bản cho người đăng ký tham dự kiểm tra về việc đủ điều kiện đề nghị Bộ Tư pháp cho tham dự kiểm tra;* trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.

*5. Người được Hội đồng kiểm tra quyết định đủ điều kiện tham dự kiểm tra được gọi là thí sinh của kỳ kiểm tra. Người không đủ điều kiện tham dự kiểm tra không được trả lại hồ sơ và phí tham dự kiểm tra đã nộp.*

*Thí sinh đạt yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 26 của Thông tư này được cấp Giấy chứng nhận đạt kết quả kiểm tra tập sự hành nghề công chứng (Giấy chứng nhận). Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận, người được cấp Giấy chứng nhận không đề nghị bổ nhiệm công chứng viên thì Giấy chứng nhận hết hiệu lực và người muốn bổ nhiệm công chứng viên phải đăng ký kiểm tra lại theo quy định của Thông tư này.*

**Điều 19. *Trách nhiệm* tổ chức kiểm tra**

*1.* Chậm nhất là ngày 30 của tháng cuối quý, Sở Tư pháp gửi Bộ Tư pháp danh sách người dự kiến đăng ký tham dự kiểm tra của quý tiếp theo *để Bộ Tư pháp tổng hợp, quyết định thời điểm tổ chức kiểm tra thích hợp*.

2. Bộ Tư pháp tổ chức kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng.

*Kế hoạch về việc tổ chức kỳ kiểm tra được Bộ Tư pháp* thông báo cho các Sở Tư pháp, *đồng thời đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp chậm nhất là 02 tháng trước ngày tổ chức kỳ kiểm tra.*

**Điều 20. Hội đồng kiểm tra**

1. Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng (sau đây gọi là Hội đồng kiểm tra) do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định thành lập. *Hội đồng kiểm tra* được sử dụng con dấu của Bộ Tư pháp để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Thông tư này. Hội đồng kiểm tra *tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.*

2. *Thành phần* Hội đồng kiểm tra gồm có:

a) *Lãnh đạo Bộ Tư pháp* là Chủ tịch Hội đồng;

b) Cục trưởng hoặc Phó Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp *là Phó Chủ tịch Hội đồng;*

c) *Thành viên Hội đồng gồm đại diện một số đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, đại diện Hiệp hội công chứng viên Việt Nam, đại diện một số Hội công chứng viên* do Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp đề nghị.

3. Giúp việc cho Hội đồng kiểm tra có Ban Thư ký, Ban Đề thi, Ban Coi thi, Ban Phách, Ban Chấm thi và Ban Phúc tra (sau đây gọi là các Ban của Hội đồng kiểm tra).

*4. Người có vợ hoặc chồng, cha mẹ đẻ, cha mẹ đẻ của vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh chị em ruột của vợ hoặc chồng tham dự kỳ kiểm tra thì không được tham gia Hội đồng kiểm tra và các Ban của Hội đồng kiểm tra.*

**Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng kiểm tra**

1. *Ban hành* Kế hoạch *tổ chức kỳ* kiểm tra, *quyết định các nội dung điều chỉnh Kế hoạch trong trường hợp cần thiết*.

2. Thành lập các Ban của Hội đồng kiểm tra*.*

3. Ban hành Nội quy kỳ kiểm tra *và các tài liệu có liên quan đến kỳ kiểm tra*.

4. *Xem xét,* quyết định danh sách thí sinh *đủ điều kiện tham dự kỳ kiểm tra, người không đủ điều kiện tham dự kiểm tra* và thông báo cho các Sở Tư pháp có người *đăng ký* tham dự kiểm tra, *đồng thời đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp chậm nhất là 15 ngày* trước ngày tổ chức kiểm tra; *trường hợp cần thiết có thể tiến hành xác minh hồ sơ đăng ký tham dự kiểm tra.*

5. Tổ chức *cho thí sinh làm bài* kiểm tra, chấm điểm kiểm tra, phúc tra bài kiểm tra, *công bố kết quả kiểm tra*.

6. *Cấp Giấy chứng nhận đạt kết quả kiểm tra tập sự hành nghề công chứng cho người đạt yêu cầu kiểm tra.*

*7. Hủy bỏ kết quả kiểm tra và thu hồi Giấy chứng nhận đạt kết quả kiểm tra tập sự hành nghề công chứng của thí sinh khi có căn cứ cho rằng thí sinh đó thuộc trường hợp không được đăng ký tập sự hành nghề công chứng mà vẫn tập sự, không đủ điều kiện tham dự kỳ kiểm tra mà vẫn đăng ký tham dự kiểm tra hoặc có hành vi gian dối, vi phạm khác làm thay đổi kết quả tập sự, kết quả kiểm tra tập sự.*

*Trường hợp phát hiện thí sinh thuộc các trường hợp nêu trên khi Hội đồng kiểm tra đã giải thể thì Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, quyết định hủy bỏ kết quả kiểm tra và thu hồi Giấy chứng nhận đạt kết quả kiểm tra.*

*8.* Báo cáo và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc tổ chức và kết quả của kỳ kiểm tra.

*9. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Thông tư này.*

**Điều 22. Nhiệm vụ, quyền hạn của *Chủ tịch và* các thành viên Hội đồng kiểm tra**

1. Chủ tịch Hội đồng kiểm tra có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng kiểm tra quy định tại Điều *21* của Thông tư này; chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng kiểm tra;

b) Phân công trách nhiệm cho từng thành viên Hội đồng kiểm tra;

c) Quy định về *số lượng,* nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban của Hội đồng kiểm tra;

d) *Quy định quy trình ra đề, đáp án và bảo mật đề, đáp án đề kiểm tra;* quyết định đề kiểm tra *chính thức được sử dụng cho kỳ kiểm tra*;

đ) Quy định, hướng dẫn về cách thức và thang điểm chấm điểm kiểm tra; *chỉ đạo việc* chấm điểm bài kiểm tra viết, lên điểm kiểm tra, phúc tra *bài kiểm tra*;

e) Chịu trách nhiệm quản lý bài kiểm tra an toàn; quản lý kết quả kiểm tra và các tài liệu khác có liên quan;

g) Xử lý các trường hợp vi phạm nội quy kỳ kiểm tra theo thẩm quyền;

h) Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến kỳ kiểm tra theo thẩm quyền.

2. Các thành viên khác trong Hội đồng kiểm tra thực hiện công việc theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng kiểm tra và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng kiểm tra.

**Điều *23*. Ban Giám sát**

1. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định thành lập Ban Giám sát theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp. Ban Giám sát gồm Trưởng Ban và 02 (hai) thành viên.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Giám sát:

a) Giám sát việc tổ chức kiểm tra;

b) Phát hiện và kiến nghị xử lý các trường hợp vi phạm các quy định về kiểm tra;

c) Đề nghị Hội đồng kiểm tra có biện pháp bảo đảm kỳ kiểm tra diễn ra an toàn, nghiêm túc, đúng quy định của Thông tư này.

3. Nội dung giám sát:

a) Giám sát việc thực hiện các quy định về kiểm tra, việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Hội đồng kiểm tra và các Ban của Hội đồng kiểm tra;

b) Giám sát việc tổ chức thực hiện kỳ kiểm tra;

c) Giám sát việc thực hiện các quy định của Hội đồng kiểm tra và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về kiểm tra.

4. Ban Giám sát chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tư pháp về hoạt động giám sát của mình và báo cáo Bộ trưởng Bộ Tư pháp về kết quả giám sát sau mỗi kỳ kiểm tra.

**Điều 2*4*. Quyền và nghĩa vụ của thí sinh tham dự kiểm tra**

*1. Tham dự kỳ kiểm tra theo đúng thời gian, địa điểm đã được thông báo.*

2. Tuân thủ nội quy kỳ kiểm tra *và các quyết định, thông báo* của Hội đồng kiểm tra; *chịu các hình thức* xử lý vi phạm theo quy định Thông tư này và nội quy kỳ kiểm tra.

*3*. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

**Điều 2*5*. Chấm điểm kiểm tra**

*1. Đối với bài kiểm tra trắc nghiệm, bài kiểm tra được chấm theo đáp án. Thí sinh có bài kiểm tra trắc nghiệm đúng từ 50% tổng số câu trở lên thì được tham gia làm bài kiểm tra viết.*

2. *Đối với bài kiểm tra viết, mỗi* bài kiểm tra do hai thành viên Ban Chấm thi chấm và cho điểm độc lập*; việc chấm điểm được thực hiện theo hướng dẫn chấm, đáp án, thang điểm do Chủ tịch Hội đồng kiểm tra quy định;* các bài kiểm tra được chấm theo thang điểm 100.

Điểm của mỗi bài kiểm tra là trung bình cộng điểm mà hai thành viên chấm thi đã chấm. Trong trường hợp hai thành viên chấm thi viết cho điểm chênh lệch nhau từ 20 điểm trở lên thì *Trưởng Ban Chấm thi tổ chức phân công hai thành viên khác chấm lại lần thứ hai vào bài kiểm tra của thí sinh*; điểm chấm lần này là điểm chính thức của bài kiểm tra.

*3. Thí sinh đạt yêu cầu kỳ kiểm tra phải đạt từ 50% tổng số câu trả lời đúng trở lên (đối với phần thi trắc nghiệm) và phải đạt số điểm từ 50 điểm trở lên (đối với bài kiểm tra viết).*

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc việc chấm điểm kiểm tra, Chủ tịch Hội đồng kiểm tra có trách nhiệm thông báo kết quả kiểm tra cho Sở Tư pháp và Hội công chứng viên (ở những nơi đã thành lập) của địa phương nơi có người tham dự kỳ kiểm tra, đồng thời gửi kết quả kiểm tra cho Cục Bổ trợ tư pháp để đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.

**Điều *26*. Quản lý bài kiểm tra, kết quả kiểm tra *và hồ sơ đăng ký tham dự kiểm tra***

1. Bài kiểm tra phải được niêm phong ngay sau khi kết thúc kiểm tra; phách, điểm kiểm tra phải được niêm phong vào cuối mỗi ngày làm việc và ngay sau khi kết thúc việc đánh mã phách, ghi phách, rọc phách, ghép phách, chấm điểm bài kiểm tra viết, lên điểm bài kiểm tra.

2. Bài kiểm tra và kết quả kiểm tra được lưu giữ tại Bộ Tư pháp trong thời hạn *02* năm, kể từ ngày tổ chức kiểm tra. *Hồ sơ đăng ký tham dự kiểm tra lưu trữ trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày tổ chức kiểm tra.*

*3. Khi hết thời gian quy định tại khoản 2 Điều này, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định việc hủy các bài kiểm tra, kết quả kiểm tra, hồ sơ đăng ký tham dự kiểm tra.*

**Điều *27*. Phúc tra bài kiểm tra**

1. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết quả kiểm tra được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tư pháp, thí sinh không đồng ý với kết quả kiểm tra viết của mình có quyền làm đơn phúc tra gửi Chủ tịch Hội đồng kiểm tra.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn *nhận đơn phúc tra*, Chủ tịch Hội đồng kiểm tra quyết định thành lập Ban Phúc tra. Ban Phúc tra gồm Trưởng ban và ít nhất 02 (hai) thành viên. Các thành viên trong *Ban Phách và* Ban Chấm thi không được là thành viên của Ban Phúc tra.

3. Việc chấm điểm phúc tra được thực hiện theo quy định tại Điều 26 của Thông tư này. Kết quả phúc tra phải được Chủ tịch Hội đồng kiểm tra phê duyệt và là kết quả cuối cùng.

**Chương IV**

**QUẢN LÝ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG**

**Điều *28*. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cục Bổ trợ tư pháp và các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Tư pháp**

1. *Cục Bổ trợ tư pháp là đơn vị trực thuộc Bộ Tư pháp, có chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước và tổ chức thi hành pháp luật về lĩnh vực công chứng*, có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Hướng dẫn, giải đáp các vướng mắc liên quan đến việc thực hiện Thông tư này;

b) Giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp tổ chức kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng theo quy định của Thông tư này;

c) *Kiểm tra, thanh tra,* xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về tập sự hành nghề công chứng theo quy định của pháp luật;

d) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật Công chứng, Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Thanh tra Bộ, Học viện Tư pháp, Vụ Tổ chức cán bộ và các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Tư pháp thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình liên quan đến việc tập sự hành nghề công chứng và phối hợp với Cục Bổ trợ tư pháp trong việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều *29*. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

1. Chỉ định tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện tại địa phương nhận người tập sự; xem xét việc từ chối nhận tập sự của tổ chức hành nghề công chứng, *từ chối hướng dẫn tập sự* *của công chứng viên* theo quy định của Thông tư này.

2. Đăng ký tập sự, quyết định chấm dứt tập sự, *xóa tên người tập sự khỏi Danh sách người tập sự của Sở Tư pháp*, *quyết định công nhận hoàn thành thời gian tập sự* theo quy định của Thông tư này.

3. Lập và đăng tải Danh sách người tập sự của Sở Tư pháp, tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự tại địa phương trên cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp và thường xuyên rà soát, cập nhật các danh sách này;

*4.* Lập Sổ theo dõi tập sự hành nghề công chứng; *cập nhật kịp thời thông tin về đăng ký tập sự, thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự, thay đổi nơi tập sự, tạm ngừng tập sự, chấm dứt tập sự vào Sổ theo dõi tập sự hành nghề công chứng* và *phần mềm quản lý tổ chức hành nghề công chứng của Bộ Tư pháp*.

*5*. *Theo dõi* việc *tập sự của người tập sự, việc hướng dẫn tập sự của công chứng viên và việc nhận tập sự của tổ chức hành nghề công chứng theo quy định của Thông tư này và pháp luật có liên quan.*

*6.* Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo về tập sự hành nghề công chứng theo quy định của pháp luật.

*7*. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật Công chứng, Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

**Điều *30*. Trách nhiệm của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên**

1. Tập hợp, phản ánh tâm tư, nguyện vọng, ý kiến đóng góp, kiến nghị liên quan đến tập sự hành nghề công chứng của người tập sự, công chứng viên hướng dẫn tập sự và tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự với cơ quan quản lý nhà nước về công chứng.

2. Giám sát tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự, công chứng viên hướng dẫn tập sự và người tập sự trong quá trình tập sự; đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm về tập sự hành nghề công chứng theo quy định của pháp luật.

3. Hoà giải các mâu thuẫn phát sinh giữa người tập sự với công chứng viên hướng dẫn tập sự và tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự.

4. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật Công chứng, Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

**Chương V**

**XỬ LÝ VI PHẠM VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO**

**Điều *31*. Xử lý vi phạm đối với việc tập sự hành nghề công chứng**

1. Người tập sự vi phạm quy định của Thông tư này, đã được tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự *nhắc nhở bằng văn bản 03 lần*, yêu cầu sửa chữa mà vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị tổ chức hành nghề công chứng đó đề nghị Sở Tư pháp *xóa đăng ký hành nghề công chứng.*

2. Công chứng viên vi phạm quy định của Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử lý theo quy định của Luật Công chứng *và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.*

3. Tổ chức hành nghề công chứng *có tên trong danh sách* *đủ điều kiện nhận tập sự mà từ chối nhận tập sự không có lý do chính đáng,* vi phạm quy định của Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải chịu hình thức xử lý theo quy định của Luật Công chứng và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

**Điều *32*. Xử lý vi phạm đối với thành viên Hội đồng kiểm tra, các Ban của Hội đồng kiểm tra và Ban Giám sát**

Thành viên Hội đồng kiểm tra, các Ban của Hội đồng kiểm tra và Ban Giám sát có hành vi vi phạm quy định của Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

**Điều *33*. Khiếu nại về tập sự hành nghề công chứng và kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng**

1. Người tập sự, công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng có quyền khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính về tập sự hành nghề công chứng của Sở Tư pháp, người có thẩm quyền của Sở Tư pháp khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Việc giải quyết khiếu nại được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng, người tham dự kiểm tra có quyền khiếu nại đối với quyết định, hành vi của Hội đồng kiểm tra, thành viên Hội đồng kiểm tra, thành viên các Ban của Hội đồng kiểm tra khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Chủ tịch Hội đồng kiểm tra có trách nhiệm giải quyết khiếu nại trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại.

Trong trường hợp hết thời hạn quy định tại khoản này mà không được giải quyết khiếu nại hoặc không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Hội đồng kiểm tra hoặc Hội đồng kiểm tra đã giải thể thì người tham dự kiểm tra có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Thời hạn giải quyết khiếu nại của Bộ trưởng Bộ Tư pháp là 30 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại. Quyết định giải quyết khiếu nại của Bộ trưởng Bộ Tư pháp là quyết định cuối cùng.

**Điều *34*. Tố cáo về tập sự hành nghề công chứng**

Công dân có quyền tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về các hành vi vi phạm quy định về tập sự hành nghề công chứng theo quy định của Luật Công chứng, Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Việc giải quyết tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo.

**Chương VI**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

***Điều* 35*. Biểu mẫu kèm theo***

*Ban hành kèm theo Thông tư này các mẫu giấy tờ, sổ sau đây:*

*1. Giấy đề nghị bố trí tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-01);*

*2. Giấy đề nghị đăng ký tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-02);*

*3. Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-03);*

*4. Sổ nhật ký tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-04);*

*5. Báo cáo quá trình tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-05);*

*6. Giấy đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-06);*

*7. Sổ theo dõi tập sự hành nghề công chứng của Sở Tư pháp (Mẫu TP-TSCC-07);*

*8. Sổ theo dõi tập sự hành nghề công chứng của tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự (Mẫu TP-TSCC-08);*

*9. Quyết định đăng ký tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-09);*

*10. Quyết định xóa đăng ký tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-10);*

*11. Quyết định chấm dứt tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-11);*

*12. Quyết định công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-12).*

**Điều *36*. Điều khoản chuyển tiếp**

*1. Người đã hoàn thành tập sự trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 mà chưa được bổ nhiệm công chứng viên thì phải tham dự kiểm tra kết quả tập sự theo quy định của Thông tư này trước khi đề nghị bổ nhiệm công chứng viên.*

*2. Người chưa hoàn thành tập sự theo quy định của Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng tính đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì được công nhận thời gian đã tập sự, được tiếp tục tập sự theo quy định của Thông tư này. Nhật ký tập sự được người tập sự lập từ thời điểm tiếp tục tập sự theo quy định của Thông tư này.*

*3. Người đủ điều kiện tập sự theo quy định của Thông tư 04/2015/TT-BTP đã nộp hồ sơ đăng ký tập sự trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì việc tập sự được thực hiện theo quy định của Thông tư này.*

*4. Người đã hoàn thành tập sự theo quy định của Thông tư số 04/2015/TT-BTP thì được đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng theo quy định của Thông tư này.*

*Hồ sơ đăng ký tham dự kiểm tra gồm các giấy tờ quy định tại điểm a, c, d khoản 3 Điều 18 của Thông tư này.*

*5. Giấy chứng nhận đạt kết quả kiểm tra tập sự được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì thời hạn 05 năm hiệu lực của Giấy chứng nhận được tính từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.*

*6. Trường hợp người tập sự hoàn thành tập sự theo quy định tại Thông tư số 04/2015/TT-BTP nhưng sau khi Thông tư này có hiệu lực thi hành phát hiện người đã tập sự không đủ điều kiện tập sự thì người tập sự bị xử lý theo quy định của Thông tư này.*

*7. Trường hợp người hoàn thành tập sự đã trượt kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì số lần trượt đó được cộng vào tổng số lần trượt kỳ kiểm tra để xác định việc tập sự lại của người đó.*

**Điều *37*. Hiệu lực thi hành**

*Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022.*

*Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Văn phòng Quốc hội;  - Văn phòng Chính phủ;  - Viện kiểm sát nhân dân tối cao;  - Tòa án nhân dân dân tối cao;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - Kiểm toán Nhà nước;  - Bộ Tư pháp: Các Thứ trưởng, Văn phòng Bộ, Vụ TCCB, Vụ CVĐCVXDPL; Cục KTVBQPPL, Học viện Tư pháp;  - UBND, Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;  - Hiệp hội công chứng viên Việt Nam;  - Công báo; Website Chính phủ;  - Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp;  - Lưu: VT, Cục BTTP. | **BỘ TRƯỞNG**    **Lê Thành Long** |